



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City

Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City

Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City

www.a-c.com.vn

Số: 0732/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN**

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31 tháng 7 năm 2012, từ trang 08 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề lưu ý

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất đến thuyết minh số IV.19 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm. Chính sách kế toán này làm cho khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm của khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản công nợ ngắn hạn là 8.715.262 VND (số cuối năm trước là 619.865.936 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán đính kèm đã được lập lại thay thế cho Báo cáo tài chính hợp nhất đã công bố ngày 09 tháng 4 năm 2012, trong đó Tập đoàn thực hiện điều chỉnh giảm khoản thu nhập từ tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT – Dầu Khí với số tiền 4.090.909.090 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay đổi so với Báo cáo kiểm toán số 0417/2012/BCTC-KTTV ngày 09 tháng 4 năm 2012 với nội dung thay đổi là loại bỏ vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên về việc ghi nhận khoản thu nhập từ tiền hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT – Dầu Khí nêu trên.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV



Nguyễn Thị Minh Khiêm - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0785/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2012

UATC
C
RACH
KIEM
TU
/ TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 68.862.980.928 | 67.883.379.451 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 56.549.262.704 | 40.264.961.320 |
| 1. Tiền | 111 | | 7.975.127.524 | 7.964.961.320 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 48.574.135.180 | 32.300.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 541.228.533 | 5.062.939.646 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 1.944.701.878 | 6.066.952.911 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | V.3 | (1.403.473.345) | (1.004.013.265) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 10.000.311.804 | 20.684.138.101 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.4 | 5.488.919.509 | 5.075.523.575 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.5 | 113.826.000 | 6.448.108.290 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.6 | 4.397.566.295 | 9.343.376.104 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.7 | - | (182.869.868) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.772.177.887 | 1.871.340.384 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 514.274.907 | 489.891.702 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 63.393.581 | 26.443.093 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.9 | 9.672.589 | 9.672.589 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.10 | 1.184.836.810 | 1.345.333.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 49.380.578.632 | 37.332.784.901 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 2.500.000.000 | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | V.11 | 2.500.000.000 | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 17.456.386.671 | 7.747.852.976 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.12 | 17.105.148.480 | 2.886.502.381 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 24.853.846.089 | 9.163.081.196 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (7.748.697.609) | (6.276.578.815) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 24.000.000 | 24.000.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (24.000.000) | (24.000.000) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | 351.238.191 | 4.861.350.595 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.14 | 328.809.628 | 535.369.102 |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 4.611.658.284 | 4.611.658.284 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | (4.282.848.656) | (4.076.289.182) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 3.480.139.942 | 1.959.381.403 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.15 | 1.571.490.738 | 1.659.381.403 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.16 | 1.908.649.204 | 300.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 25.615.242.391 | 27.090.181.420 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.17 | 8.606.278 | 58.780.100 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | V.18 | 1.022.727.273 | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.19 | 24.583.908.840 | 27.031.401.320 |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 118.243.559.560 | 105.216.164.352 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 63.687.678.178 | 53.523.666.057 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 14.591.228.133 | 13.247.818.257 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | - | - |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.20 | 902.814.543 | 500.644.276 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.21 | 1.675.369.756 | 1.344.494.900 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.22 | 3.114.651.664 | 1.758.596.518 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.23 | 1.211.645.780 | 4.168.231.948 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 95.000.000 | 45.000.000 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.24 | 6.852.863.418 | 2.376.626.959 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.25 | 738.882.972 | 3.054.223.656 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 49.096.450.045 | 40.275.847.800 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.26 | 48.551.115.025 | 40.266.564.000 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | V.27 | 522.836.220 | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | V.28 | 22.498.800 | 9.283.800 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 54.555.881.382 | 51.692.498.295 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 54.555.881.382 | 51.692.498.295 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.29 | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | V.29 | 8.715.262 | 619.865.936 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.29 | 16.702.197.095 | 2.960.877.310 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.29 | 2.789.725.952 | 2.599.059.690 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.30 | 5.055.243.073 | 15.512.695.359 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIÊU SỔ | 439 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 118.243.559.560 | 105.216.164.352 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-------------|------------|------------|---|
| | | | | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 17.297,86 | 157.793,05 | | |
| Dollar Singapore (SGD) | | - | - | - | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012

Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng**Tạ Thái Mẫn**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|---|-------|-------------|----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 127.598.609.975 | 109.273.112.611 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 127.598.609.975 | 109.273.112.611 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 116.943.703.908 | 99.211.127.748 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 10.654.906.067 | 10.061.984.863 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 9.080.491.365 | 40.127.787.085 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 2.322.843.307 | 188.637.627 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 10.943.033.322 | 13.373.125.483 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 6.469.520.803 | 36.628.008.838 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 755.342.871 | 304.493 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 701.703.197 | 165.437.515 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 53.639.674 | (165.133.022) |
| 14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 45 | | (87.890.665) | (140.618.597) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 6.435.269.812 | 36.322.257.219 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.22 | 2.313.271.188 | 9.309.957.278 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | (499.891.053) | 5.436.703 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>4.621.889.677</u> | <u>27.006.863.238</u> |
| 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | - | - |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62 | | 4.621.889.677 | 27.006.863.238 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | <u>1.541</u> | <u>9.002</u> |



Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng



Tạ Thái Mẫn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 6.435.269.812 | 36.322.257.219 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.12, 14 | 1.678.678.268 | 1.229.249.939 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.3, 7 | 216.590.212 | (13.921.993) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.4 | 1.743.003.764 | 12.940.831 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (6.305.339.957) | (34.668.851.247) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 3.768.202.099 | 2.881.674.749 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 551.359.225 | (12.301.070.689) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (1.905.208.139) | 3.923.509.698 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 25.790.617 | 218.191.434 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.22 | (1.921.676.651) | (8.583.656.050) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 6.751.126.968 | 65.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (1.730.247.500) | (1.654.623.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 5.539.346.619 | (15.450.974.358) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (4.010.489.654) | (2.106.453.565) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (3.182.573.204) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 5.759.238.813 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (63.251.325) | (4.144.916.120) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 61.560 | 40.051.247.652 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 13.951.408.307 | 36.369.400 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 12.454.394.497 | 33.836.247.367 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | - | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.29 | (1.509.120.000) | (10.498.880.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (1.509.120.000) | (10.498.880.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 16.484.621.116 | 7.886.393.009 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 40.264.961.320 | 32.250.568.550 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (200.319.732) | 127.999.761 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 56.549.262.704 | 40.264.961.320 |

Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng



Tạ Thái Mẫn
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (Công ty mẹ), các công ty con gồm: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân Lực, Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết – Công ty Cổ phần Đầu tư căn hộ Xanh – CT Dầu khí.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Các hoạt động kinh doanh lẻ hành nội địa và quốc tế, các hoạt động du lịch khác; Kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ, cho thuê phương tiện vận tải; Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, xuất khẩu lao động; Dịch vụ nhà đất, cho thuê kho, bãi đậu xe; Dịch vụ tư vấn đầu tư, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Tổng số các công ty con** : 3
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 3
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|---|---|----------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch | 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân Lực | 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương | 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 100% | 100% |

6. Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Tỷ lệ phần sở hữu</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|---|--|--------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT – Dầu khí | 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh | 30% | 30% |

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 2.332 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.076 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 40 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 - 20 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 5 - 10 |

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư từ 10 năm đến 13 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty mẹ.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Tại Công ty mẹ, các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ như sau:

| Mục đích | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế |
|-----------------------------|--|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc tăng vốn điều lệ theo phương thức thích hợp 5% |
| • Quỹ dự phòng tài chính | Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... 5% |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, chi các chế độ phúc lợi xã hội cho nhân viên Công ty, trong đó có các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các đối tượng khác có liên quan 15% |

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm của Công ty mẹ.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
31/12/2011: 20.828 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 276.403.138 | 635.618.303 |
| Tiền gửi ngân hàng | 7.698.724.386 | 7.329.343.017 |
| Các khoản tương đương tiền | 48.574.135.180 | 32.300.000.000 |
| <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i> | | |
| Cộng | <u>56.549.262.704</u> | <u>40.264.961.320</u> |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|--------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------------|
| | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> |
| <i>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</i> | | <i>1.894.123.545</i> | | <i>1.831.059.765</i> |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành. | 16.273 | 619.994.000 | 15.499 | 619.994.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú | 500 | 35.275.500 | 500 | 35.275.500 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu | 875 | 22.424.400 | 500 | 18.674.400 |
| Công ty Cổ phần Nam Việt | 1.600 | 150.504.000 | 1.600 | 150.504.000 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương | 500 | 25.338.375 | 500 | 25.338.375 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh | 1.500 | 70.104.300 | 1.500 | 70.104.300 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu | 2.426 | 136.287.650 | 2.426 | 136.287.650 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|----------------------|------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí | 1.000 | 83.834.000 | 1.000 | 83.834.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | 2.200 | 134.877.400 | 1.200 | 106.765.400 |
| Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa | 4.800 | 118.777.600 | 4.800 | 118.777.600 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam | - | - | 3 | 104.220 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam | 3.254 | 224.060.000 | 2.185 | 216.850.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Sài Gòn | 2.000 | 140.000.000 | 2.000 | 140.000.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 1.000 | 21.887.200 | 1.000 | 21.887.200 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội | 500 | 6.877.400 | 500 | 6.877.400 |
| Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | 805 | 18.612.000 | 805 | 18.612.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng | 1.040 | 34.969.320 | 800 | 34.969.320 |
| Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai | 1.000 | 26.204.400 | 1.000 | 26.204.400 |
| Công ty Cổ phần In sách giáo khoa Hòa Phát | 5.000 | 24.096.000 | - | - |
| Đầu tư ngắn hạn khác | | 50.578.333 | | 4.235.893.146 |
| Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm | | | | |
| Cộng | | 1.944.701.878 | | 6.066.952.911 |

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành: tăng do nhận 774 cổ phiếu thưởng.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu: tăng do mua thêm 375 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.750.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn: tăng do mua thêm 1.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 28.112.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam: giảm do bán 3 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 104.220 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam: tăng do nhận 369 cổ phiếu thưởng đồng thời mua thêm 700 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 7.210.000 VND.
- Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng: tăng do nhận 240 cổ phiếu thưởng.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần In sách giáo khoa Hòa Phát: tăng do mua thêm 5.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 24.096.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản lập dự phòng cho các loại cổ phiếu nắm giữ nhằm mục đích bán trong ngắn hạn.

Tình hình trích lập dự phòng trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | (1.004.013.265) | (1.027.507.625) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (399.460.080) | - |
| Số hoàn nhập trong năm | - | 23.494.360 |
| Số cuối năm | <u>(1.403.473.345)</u> | <u>(1.004.013.265)</u> |

4. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty mẹ | 4.846.974.420 | 4.926.683.094 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch | 65.092.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân lực | 477.932.464 | 94.919.856 |
| Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương | 98.920.625 | 53.920.625 |
| Cộng | <u>5.488.919.509</u> | <u>5.075.523.575</u> |

5. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| Công ty mẹ | 55.250.000 | 6.437.108.290 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch | 47.576.000 | 11.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân lực | 11.000.000 | - |
| Cộng | <u>113.826.000</u> | <u>6.448.108.290</u> |

6. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi liên doanh Trường Quốc tế TP. Hồ Chí Minh | - | 7.848.487.784 |
| Phải thu chi phí thẩm định dự án khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh | 210.692.700 | - |
| Phải thu tiền BHXH của nhân viên tiếp thị bia | 1.784.637.150 | 932.471.606 |
| Chi phí cổ phần hóa | - | 28.642.728 |
| Phải thu tiền hỗ trợ từ Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí | 2.000.000.000 | - |
| Các khoản phải thu khác | 402.236.445 | 533.773.986 |
| Cộng | <u>4.397.566.295</u> | <u>9.343.376.104</u> |

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình trích lập dự phòng trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|-----------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | (182.869.868) | (173.297.501) |
| Số hoàn nhập trong năm | 182.869.868 | - |
| Trích lập trong năm | - | (9.572.367) |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>(182.869.868)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí mua vé máy bay và phí visa đi tour | 367.085.687 | 379.397.000 |
| Chi phí vật tư phân bổ vào tour | 91.132.402 | 66.921.975 |
| Chi phí khác | 56.056.818 | 43.572.727 |
| Cộng | <u>514.274.907</u> | <u>489.891.702</u> |

9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Kinh Thương.

10. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng | 1.173.836.810 | 1.334.333.000 |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn | 11.000.000 | 11.000.000 |
| Cộng | <u>1.184.836.810</u> | <u>1.345.333.000</u> |

11. Phải thu dài hạn khác

Phải thu tiền hỗ trợ từ Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí.

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Tài sản cố định khác</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-----------------------------------|--------------------------------|--|--|---------------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 2.660.293.209 | 3.067.105.532 | 3.061.953.784 | 145.253.490 | 228.475.181 | 9.163.081.196 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 10.976.648.831 | 2.327.016.062 | - | - | 2.387.100.000 | 15.690.764.893 |
| Số cuối năm | <u>13.636.942.040</u> | <u>5.394.121.594</u> | <u>3.061.953.784</u> | <u>145.253.490</u> | <u>2.615.575.181</u> | <u>24.853.846.089</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 2.429.631.706 | 111.708.036 | 170.102.453 | 2.711.442.195 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 505.455.708 | 2.565.310.349 | 2.895.091.009 | 126.007.019 | 184.714.730 | 6.276.578.815 |
| Khấu hao trong năm | 473.143.836 | 654.326.202 | 105.387.012 | 8.769.696 | 230.492.048 | 1.472.118.794 |
| Số cuối năm | <u>978.599.544</u> | <u>3.219.636.551</u> | <u>3.000.478.021</u> | <u>134.776.715</u> | <u>415.206.778</u> | <u>7.748.697.609</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 2.154.837.501 | 501.795.183 | 166.862.775 | 19.246.471 | 43.760.451 | 2.886.502.381 |
| Số cuối năm | <u>12.658.342.496</u> | <u>2.174.485.043</u> | <u>61.475.763</u> | <u>10.476.775</u> | <u>2.200.368.403</u> | <u>17.105.148.480</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc có phần tài sản là nhà số 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh đã được bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT – Dầu khí theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 13/2009/SPSC-CT Group ngày 15 tháng 7 năm 2009 (Biên bản bàn giao ngày 15 tháng 5 năm 2010). Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 2.660.293.209 VND và 2.048.425.773 VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào chi phí trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|---|----------------------|-----------------------------|----------------------------------|-------------------------------|--------------------|
| Công trình Trung tâm dịch vụ quốc tế | 623.786.149 | 540.000 | (624.326.149) | - | - |
| Công trình 20-22-24 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh | 100.600.900 | 123.645.909 | - | - | 224.246.809 |
| Công trình nhà 28 Võ Trường Toản, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh | 4.009.972.164 | 12.237.534.821 | (556.742.092) | (15.690.764.893) | - |
| Công trình Trung tâm Thương mại và Dịch vụ 223 Bến Bình Đông, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh | 126.991.382 | - | - | - | 126.991.382 |
| Cộng | 4.861.350.595 | 12.361.720.730 | (1.181.068.241) | (15.690.764.893) | 351.238.191 |

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cho thuê của Công ty mẹ

| | Nhà |
|---------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 4.611.658.284 |
| Số cuối năm | 4.611.658.284 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 2.660.604.356 |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 4.076.289.182 |
| Khấu hao trong năm | 206.559.474 |
| Số cuối năm | 4.282.848.656 |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 535.369.102 |
| Số cuối năm | 328.809.628 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư. Danh mục bất động sản đầu tư tại thời điểm cuối năm như sau:

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|---|----------------------|------------------------|------------------------|
| Nhà số 20 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh | 1.583.492.400 | (1.583.492.400) | - |
| Nhà số 223 Bến Bình Đông, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh | 1.077.111.956 | (1.077.111.956) | - |
| Nhà số 252 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh | 1.951.053.928 | (1.622.244.300) | 328.809.628 |
| Cộng | 4.611.658.284 | (4.282.848.656) | 328.809.628 |

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Thu nhập từ việc cho thuê | 1.346.363.636 | 1.200.000.000 |
| Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | 477.094.794 | 456.842.769 |

15. Đầu tư vào công ty liên kết

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|--------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí | 30% | 1.571.490.738 | 30% | 1.659.381.403 |
| Cộng | | 1.571.490.738 | | 1.659.381.403 |

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 13/2009/SPSC-CT Group ngày 15 tháng 7 năm 2009 và Phụ lục số 01/13/2009/PLHD/SPSC-CT Group ngày 15 tháng 7 năm 2009, Công ty hợp tác cùng Công ty Cổ phần Bất động Sản CT để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí với vốn điều lệ là 6.000.000.000 VND để đầu tư xây dựng và khai thác Tòa nhà tại khu đất số 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty được hưởng lợi nhuận hàng năm tương đương tỷ lệ góp vốn trên phần thu nhập ròng của công ty này nhưng không thấp hơn 4.000.000.000 VND/năm, bắt đầu từ thời điểm Tòa nhà chính thức đưa vào hoạt động kinh doanh, khai thác.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Giá trị phần sở hữu đầu năm | 1.659.381.403 | 6.763.920.000 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong năm | (87.890.665) | (140.618.597) |
| Giá trị phần chuyển nhượng | - | (4.963.920.000) |
| Giá trị phần sở hữu cuối năm | 1.571.490.738 | 1.659.381.403 |

16. Đầu tư dài hạn khác

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 năm.

17. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---------------------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 34.791.870 | 11.321.818 | (37.507.410) | 8.606.278 |
| Phí làm nhà vệ sinh | 23.988.230 | - | (23.988.230) | - |
| Cộng | 58.780.100 | 11.321.818 | (61.495.640) | 8.606.278 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

19. Tài sản dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Ký quỹ du lịch lữ hành quốc tế | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Ký quỹ xuất khẩu lao động | 1.060.000.000 | 2.090.000.000 |
| Đặt cọc tiền nhà số 28, Võ Trường Toản, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh | 22.973.908.840 | 24.441.401.320 |
| Đặt cọc tiền nhà số 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 50.000.000 | - |
| Cộng | <u>24.583.908.840</u> | <u>27.031.401.320</u> |

20. Phải trả người bán

Phải trả người bán tại Công ty mẹ.

21. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty mẹ | - | 87.500.000 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch | 1.675.369.756 | 1.256.994.900 |
| Cộng | <u>1.675.369.756</u> | <u>1.344.494.900</u> |

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---|-----------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 502.273.283 | 8.132.515.097 | (7.531.357.794) | 1.103.430.586 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp ⁽¹⁾ | 1.000.218.592 | 2.284.376.388 | (1.921.676.651) | 1.362.918.329 |
| Tiền thuế đất | - | 1.302.207.720 | (822.279.200) | 479.928.520 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 164.170.552 | 693.082.537 | (806.066.190) | 51.186.899 |
| Thuế môn bài | - | 14.500.000 | (14.500.000) | - |
| Thuế nộp hộ | 82.261.502 | 4.156.098.555 | (4.130.845.316) | 107.514.741 |
| Cộng | <u>1.748.923.929</u> | <u>16.582.780.297</u> | <u>(15.226.725.151)</u> | <u>3.104.979.075</u> |

⁽¹⁾ Trong đó, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Kinh Thương là 9.672.089 VND được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động; cho thuê nhà, kho bãi, môi giới địa ốc, dịch vụ du lịch, vận chuyển...

10%

Dịch vụ xuất khẩu lao động

0%

Du lịch nước ngoài

Không chịu thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 6.435.269.812 | 36.322.257.219 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - <i>Lỗ trong năm của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Kinh Thương</i> | 188.955.268 | 65.232.578 |
| - <i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i> | 4.745.882.248 | 888.708.707 |
| - <i>Các khoản điều chỉnh giảm khác</i> | (2.117.022.580) | (36.369.400) |
| Thu nhập tính thuế | 9.253.084.748 | 37.239.829.104 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 2.313.271.188 | 9.309.957.278 |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i> | <i>(28.894.800)</i> | <i>105.532.088</i> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 2.284.376.388 | 9.415.489.366 |

Tiền thuế đất

Các công ty trong Tập đoàn nộp tiền thuế đất theo thông báo nộp thuế hàng năm của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Người lao động trong Tập đoàn | 1.177.288.664 | 4.143.435.862 |
| Người lao động cung ứng cho các đơn vị khác | 34.357.116 | 24.796.086 |
| Cộng | 1.211.645.780 | 4.168.231.948 |

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 1.510.000.000 | - |
| Kinh phí công đoàn | 3.049.371.388 | 2.258.016.521 |
| Phải trả cổ tức | - | 9.120.000 |
| Tiền hỗ trợ theo Hợp đồng tài trợ số 73 ngày 28 tháng 11 năm 2011 | 1.818.181.817 | - |
| Các khoản phải trả khác | 475.310.213 | 109.490.438 |
| Cộng | 6.852.863.418 | 2.376.626.959 |

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 3.054.223.656 | 953.127.746 |
| Tạm trích lập quỹ từ lợi nhuận trong năm | 571.998.786 | 3.665.719.410 |
| Điều chỉnh khoản trích quỹ năm 2010 theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 001/2011/NQ-DHD ngày 28 tháng 4 năm 2011 | (1.221.906.470) | - |
| Chi quỹ trong năm | (1.665.433.000) | (1.564.623.500) |
| Số cuối năm | 738.882.972 | 3.054.223.656 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**26. Phải trả dài hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế | 45.836.887.752 | 39.795.064.000 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Đức – Đặt cọc thuê nhà 252 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Công ty TNHH Tân Mỹ Á | 82.000.000 | 82.000.000 |
| Công ty TNHH Hồng An | 51.000.000 | 51.000.000 |
| Nhà 8-10 Châu Văn Liêm, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Kim Hoa | 105.000.000 | 105.000.000 |
| Nhà Hàng Ngọc Lan Đình | - | 13.500.000 |
| Ông Đoàn Văn Dũng | 13.500.000 | - |
| Tiền hỗ trợ theo Hợp đồng tài trợ số 73 ngày 28 tháng 11 năm 2011 | 2.272.727.273 | - |
| Các cá nhân đi tu nghiệp sinh ở Nhật Bản | 60.000.000 | 90.000.000 |
| Cộng | <u>48.551.115.025</u> | <u>40.266.564.000</u> |

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|-------------------|
| Số đầu năm | - | 684.423.810 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 522.836.220 | - |
| Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước | - | (684.423.810) |
| Số cuối năm | <u>522.836.220</u> | <u>-</u> |

28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|--------------------------|-------------------------|
| Số đầu năm | 9.283.800 | 30.032.182 |
| Số trích lập trong năm | 13.215.000 | 53.037.218 |
| Số chi trong năm | - | (73.785.600) |
| Số cuối năm | <u>22.498.800</u> | <u>9.283.800</u> |

29. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Quỹ dự phòng tài chính</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u> | <u>Cộng</u> |
|--|----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--|-----------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 30.000.000.000 | 1.738.970.840 | 1.377.153.220 | 3.574.033.856 | 81.035.233 | 36.771.193.149 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 27.006.863.238 | - | 27.006.863.238 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | 1.221.906.470 | 1.221.906.470 | (6.109.532.350) | - | (3.665.719.410) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2008, 2009 | - | - | - | (105.532.088) | - | (105.532.088) |
| Chia cổ tức năm trước | - | - | - | (6.900.000.000) | - | (6.900.000.000) |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và các khoản công nợ ngắn hạn | - | - | - | - | (81.035.233) | (81.035.233) |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Cộng |
|---|------------------------------|--------------------------|---------------------------|---|----------------------------------|-----------------------|
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước | - | - | - | - | 619.865.936 | 619.865.936 |
| Điều chỉnh giảm khác | - | - | - | (1.953.137.297) | - | (1.953.137.297) |
| Số dư cuối năm trước | 30.000.000.000 | 2.960.877.310 | 2.599.059.690 | 15.512.695.359 | 619.865.936 | 51.692.498.295 |
| Số dư đầu năm nay | 30.000.000.000 | 2.960.877.310 | 2.599.059.690 | 15.512.695.359 | 619.865.936 | 51.692.498.295 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 4.621.889.677 | - | 4.621.889.677 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | - | 190.666.262 | 190.666.262 | (953.331.310) | - | (571.998.786) |
| Điều chỉnh khoản trích quỹ năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2011/NQ-DHĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011 | - | 13.550.653.523 | - | (12.328.747.053) | - | 1.221.906.470 |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và các khoản công nợ ngắn hạn cuối năm trước | - | - | - | - | (619.865.936) | (619.865.936) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và các khoản công nợ ngắn hạn cuối năm nay | - | - | - | - | 8.715.262 | 8.715.262 |
| Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2010 theo biên bản thanh tra của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 6 năm 2011 | - | - | - | 28.894.800 | - | 28.894.800 |
| Chia cổ tức đợt 2 theo Quyết định số 001/2011/NQ-DHĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011 | - | - | - | (1.500.000.000) | - | (1.500.000.000) |
| Điều chỉnh giảm khác | - | - | - | (326.158.400) | - | (326.158.400) |
| Số dư cuối năm nay | 30.000.000.000 | 16.702.197.095 | 2.789.725.952 | 5.055.243.073 | 8.715.262 | 54.555.881.382 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 15.300.000.000 | 15.300.000.000 |
| Vốn góp của các cổ đông | 14.700.000.000 | 14.700.000.000 |
| Cộng | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|----------------------|-----------------------|
| Cổ tức năm trước | 1.509.120.000 | 6.008.000.000 |
| Tạm ứng cổ tức năm nay | - | 4.490.880.000 |
| Cộng | 1.509.120.000 | 10.498.880.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.000.000 | 3.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.000.000 | 3.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.000.000 | 3.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.000.000 | 3.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng doanh thu | 127.598.609.975 | 109.273.112.611 |
| Dịch vụ giới thiệu việc làm và cung ứng lao động | 73.034.974.677 | 51.714.126.156 |
| Dịch vụ cho thuê nhà, kho, bãi, môi giới địa ốc | 17.127.215.941 | 17.963.403.129 |
| Dịch vụ du lịch | 36.845.321.907 | 39.069.739.419 |
| Dịch vụ khác | 591.097.450 | 525.843.907 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | <u>127.598.609.975</u> | <u>109.273.112.611</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động | 68.874.739.870 | 48.568.166.030 |
| Dịch vụ cho thuê nhà, kho, bãi, môi giới địa ốc | 12.052.299.867 | 11.263.836.895 |
| Dịch vụ du lịch | 35.444.926.050 | 38.254.447.970 |
| Dịch vụ khác | 571.738.121 | 1.124.676.853 |
| Cộng | <u>116.943.703.908</u> | <u>99.211.127.748</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 7.493.529.705 | 5.045.892.403 |
| Lãi tiền ký quỹ | 9.816.670 | 30.416.672 |
| Lãi đầu tư cổ phiếu | 25.684.900 | 36.369.400 |
| Lãi thanh lý khoản đầu tư công ty liên kết | - | 34.972.080.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.551.460.090 | 43.028.610 |
| Cộng | <u>9.080.491.365</u> | <u>40.127.787.085</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 180.253.478 | 211.600 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.743.003.764 | 12.940.831 |
| Dự phòng (hoàn nhập) đầu tư tài chính ngắn hạn | 399.460.080 | (23.494.360) |
| Chi phí đầu tư ngắn hạn | 125.985 | 66.979.556 |
| Chi phí thanh lý khoản đầu tư công ty liên kết | - | 132.000.000 |
| Cộng | <u>2.322.843.307</u> | <u>188.637.627</u> |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 5.550.053.149 | 8.954.961.595 |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý | 35.325.365 | 212.504.598 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 38.416.550 | 31.918.294 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 590.051.496 | 585.066.390 |
| Thuế, phí và lệ phí | 861.061.806 | 326.139.468 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.255.756.292 | 1.030.566.322 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.612.368.664 | 2.231.968.816 |
| Cộng | <u>10.943.033.322</u> | <u>13.373.125.483</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|-----------------------|
| Thu nhập từ tiền nhận hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT – Dầu khí | 454.545.455 | - |
| Thu khác | 300.797.416 | 304.493 |
| Cộng | <u>755.342.871</u> | <u>304.493</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí phạt vi phạm hợp đồng | 77.377.048 | 145.437.130 |
| Chi phí khác | 624.326.149 | 20.000.385 |
| Cộng | <u>701.703.197</u> | <u>165.437.515</u> |

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.621.889.677 | 27.006.863.238 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 4.621.889.677 | 27.006.863.238 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>1.541</u> | <u>9.002</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên | 74.424.793.019 | 57.523.127.625 |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý | 35.325.365 | 212.504.598 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 38.416.550 | 31.918.294 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.678.678.268 | 1.229.249.939 |
| Thuế, phí và lệ phí | 861.061.806 | 326.139.468 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 48.236.093.558 | 51.029.344.491 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.612.368.664 | 2.231.968.816 |
| Cộng | 127.886.737.230 | 112.584.253.231 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 01 tháng 02 năm 2012 Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các Nghị quyết gồm:

- Nghị quyết số 001/2012/NQ-ĐHĐ về việc chấp thuận cho Ban điều hành Công ty mẹ vay 221,14 tỷ VND với lãi suất 0% của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT – Dầu khí để mua Quyền sử dụng đất khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Nghị quyết số 002/2012/NQ-ĐHĐ về việc chấp thuận cho Ban điều hành Công ty mẹ vay 15 tỷ VND với lãi suất 0% của Công ty Bất động sản CT để góp tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT – Dầu khí.
- Nghị quyết số 003/2012/NQ-ĐHĐ về việc chấp thuận cho Ban điều hành Công ty mẹ vay (dự kiến) 60 tỷ VND với lãi suất 0% của Công ty Bất động sản CT để góp vốn xây dựng dự án 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 02 năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã thông qua Nghị quyết số 002/2012/NQ-HĐQT về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ, góp thêm vốn và cử đại diện phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT – Dầu khí. Giá trị phần vốn góp thêm là 18.000.000.000 VND tương đương 1.800.000 cổ phần phổ thông.

Ngoài ra, ngày 30 tháng 6 năm 2012 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đã thông qua Nghị quyết số 001/2012/NQ-ĐHĐ về việc chia cổ tức năm 2011 bằng 10%/mệnh giá cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương | 1.432.751.600 | 1.808.316.600 |
| Thù lao | 192.000.000 | 156.000.000 |
| Tiền thưởng | 50.000.000 | 330.000.000 |
| Cộng | <u>1.674.751.600</u> | <u>2.294.316.600</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|--------------------------------------|
| Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam | Công ty có vốn đầu tư của Công ty mẹ |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí | | |
| Thu nhập từ nhận hỗ trợ theo hợp đồng tài trợ số 73 ngày 28 tháng 11 năm 2011 | 454.545.455 | - |
| Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam | | |
| Cung cấp dịch vụ | 71.589.843.473 | 50.489.745.296 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí | | |
| Phải thu tiền hỗ trợ theo Hợp đồng tài trợ số 73 ngày 28 tháng 11 năm 2011 | 4.500.000.000 | - |
| Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam | | |
| Phải thu tiền cung cấp dịch vụ | 4.791.974.420 | 4.743.813.226 |
| Phải thu tiền BHXH của Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam | 1.784.637.150 | 932.471.606 |
| Cộng nợ phải thu | <u>11.076.611.570</u> | <u>5.676.284.832</u> |

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động.
- Dịch vụ du lịch.
- Dịch vụ cho thuê nhà, kho bãi, môi giới địa ốc.
- Các lĩnh vực khác: Bao gồm hoạt động cho thuê xe, vận tải hành khách và các dịch vụ khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 56.549.262.704 | 40.264.961.320 | 56.549.262.704 | 40.264.961.320 |
| Phải thu khách hàng | 5.488.919.509 | 4.892.653.707 | 5.488.919.509 | 4.892.653.707 |
| Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 1.959.227.537 | 4.535.893.146 | 1.959.227.537 | 4.535.893.146 |
| Các khoản phải thu khác | 8.468.566.295 | 11.944.376.104 | 7.961.550.989 | 11.944.376.104 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 490.650.200 | 827.046.500 | 490.650.200 | 833.949.000 |
| Cộng | 72.956.626.245 | 62.464.930.777 | 72.449.610.939 | 62.471.833.277 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 902.814.543 | 500.644.276 | 902.814.543 | 500.644.276 |
| Các khoản phải trả khác | 2.245.954.793 | 4.812.626.186 | 2.245.954.793 | 4.812.626.186 |
| Cộng | 3.148.769.336 | 5.313.270.462 | 3.148.769.336 | 5.313.270.462 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn, phải thu dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Phải trả người bán | 902.814.543 | - | 902.814.543 |
| Các khoản phải trả khác | 1.781.955.993 | 463.998.800 | 2.245.954.793 |
| Cộng | 2.684.770.536 | 463.998.800 | 3.148.769.336 |
| Số đầu năm | | | |
| Phải trả người bán | 500.644.276 | - | 500.644.276 |
| Các khoản phải trả khác | 4.331.842.386 | 480.783.800 | 4.812.626.186 |
| Cộng | 4.832.486.662 | 480.783.800 | 5.313.270.462 |

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn bao gồm rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khác và các khoản phải trả khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Rủi ro về giá chứng khoán là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá chứng khoán trên thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.



Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012

Tạ Thái Mẫn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động | Dịch vụ cho thuê nhà, kho bãi, môi giới địa ốc | Dịch vụ du lịch | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|--|--|-----------------|-------------------|-----------------------|-----------------|
| Năm nay | 73.034.974.677 | 17.127.215.941 | 36.845.321.907 | 591.097.450 | - | 127.598.609.975 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | | 21.818.182 | 31.464.402 | 48.727.271 | (102.009.855) | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 73.034.974.677 | 17.149.034.123 | 36.876.786.309 | 639.824.721 | (102.009.855) | 127.598.609.975 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.677.544.722 | (249.442.574) | 117.982.541 | (516.377.927) | - | 1.029.706.762 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | | | | | | (1.317.834.017) |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | | (288.127.255) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | 9.080.491.365 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | (2.322.843.307) |
| Chi phí tài chính | | | | | | 755.342.871 |
| Thu nhập khác | | | | | | (701.703.197) |
| Chi phí khác | | | | | | (87.890.665) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | | | | | | (2.313.271.188) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | | 499.891.053 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | | 4.621.889.677 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | 12.373.042.548 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 12.361.720.730 | 11.321.818 | | | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 2.163.636 | 1.387.627.715 | 22.332.118 | 1.509.118.680 | | 2.921.242.149 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | | | | | | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| Năm trước | Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động | Dịch vụ cho thuê nhà, kho bãi, môi giới địa ốc | Dịch vụ du lịch | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|--|--|-----------------|-------------------|--------------------|-----------------|
| | 51.714.126.156 | 17.963.403.129 | 39.069.739.419 | 525.843.907 | - | 109.273.112.611 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | - | 87.272.728 | 620.034.907 | 87.945.456 | (795.253.091) | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 51.714.126.156 | 18.050.675.857 | 39.689.774.326 | 613.789.363 | (795.253.091) | 109.273.112.611 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.090.770.891 | (1.204.404.250) | 245.643.773 | (634.177.711) | 21.746.810 | (480.420.487) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | | | | | | (2.830.720.133) |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | | (3.311.140.620) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | 40.127.787.085 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | (188.637.627) |
| Chi phí tài chính | | | | | | 304.493 |
| Thu nhập khác | | | | | | (165.437.515) |
| Chi phí khác | | | | | | (140.618.597) |
| Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | | | | | | (9.309.957.278) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | | (5.436.703) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | | 27.006.863.238 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | 2.602.339.252 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | 2.537.719.252 | 12.338.182 | 52.281.818 | - | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 2.163.636 | 792.582.778 | 55.509.632 | 912.107.140 | - | 1.762.363.186 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | (9.311.565) | - | (9.311.565) |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012



Quang

Huỳnh Quang Giảng
Kế toán trưởng

Tạ Thái Mẫn
Tổng Giám đốc

47448-C
CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ
VĂN
HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Dịch vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động | Dịch vụ cho thuê nhà, kho bãi, môi giới địa ốc | Dịch vụ du lịch | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|--|--|-----------------|-------------------|--------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 13.320.646.300 | 23.653.956.659 | 4.486.063.085 | 582.386.700 | - | 42.043.052.744 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 76.200.506.816 |
| Tổng tài sản | | | | | | 118.243.559.560 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 4.974.412.045 | 47.390.723.895 | 1.804.354.106 | 1.323.573 | - | 54.170.813.619 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 9.516.864.559 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | 63.687.678.178 |
| Số đầu năm | | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 12.652.402.612 | 36.219.079.307 | 3.941.886.508 | 1.363.672.816 | - | 54.177.041.243 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 51.039.123.109 |
| Tổng tài sản | | | | | | 105.216.164.352 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 2.551.749.699 | 40.400.819.170 | 1.392.262.549 | 88.583.655 | - | 44.433.415.073 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 9.090.250.984 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | 53.523.666.057 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012



Chau

Huỳnh Quang Giàu
Kế toán trưởng

Tạ Thái Mẫn
Tổng Giám đốc

